

Số: 100 /QĐ-XPFC

Bắc Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 0019028/BB-VPFC lập ngày 31/12/2023 của Công an thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 8/TTr-UBND ngày 09/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Ông **Lê Văn Tuấn**; sinh ngày 06/5/1977; giới tính: Nam;

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi ở hiện tại: Xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính sau:

- **Hành vi vi phạm thứ nhất:** Điều khiển xe ô tô trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở, quy định tại điểm a khoản 10 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP).

- *Hành vi vi phạm thứ hai*: Điều khiển xe ô tô không có Giấy phép lái xe, quy định tại điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không dân dụng (*sau đây viết tắt là Nghị định số 123/2021/NĐ-CP*).

- *Hành vi vi phạm thứ ba*: Điều khiển xe ô tô không có Giấy đăng ký xe theo quy định, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

- *Hành vi vi phạm thứ tư*: Điều khiển xe ô tô không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, quy định tại điểm e khoản 5 Điều 16 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

3. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Không.

4. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

- *Hành vi vi phạm thứ nhất*: Phạt tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*), áp dụng điểm a khoản 10 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

- *Hành vi vi phạm thứ hai*: Phạt tiền 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), áp dụng điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

- *Hành vi vi phạm thứ ba*: Phạt tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*), áp dụng điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

- *Hành vi vi phạm thứ tư*: Phạt tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), áp dụng điểm e khoản 5 Điều 16 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

Tổng số tiền phạt của các hành vi vi phạm trên là **53.500.000 đồng** (*Năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Lê Văn Tuấn là cá nhân vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Lê Văn Tuấn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Lê Văn Tuấn không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn Tuấn phải nộp tiền phạt trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt. Thực hiện nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang hoặc tại các Ngân hàng thương mại (NHTM), cụ thể như sau:

- Tại thành phố Bắc Giang là các điểm thu thuộc 10 hệ thống NHTM: BIDV Bắc Giang; VIETINBANK Bắc Giang; AGRIBANK chi nhánh tỉnh Bắc Giang; VIETCOMBANK chi nhánh Bắc Giang; Ngân hàng MB chi nhánh Bắc Giang; Ngân hàng Techcombank chi nhánh Bắc Giang; Ngân hàng VPBank chi nhánh Bắc Giang; Bưu điện Liên Việt chi nhánh Bắc Giang; Hàng Hải chi nhánh Bắc Giang; Đông Nam Á chi nhánh Bắc Giang;

- Tại địa bàn các huyện là các điểm thu thuộc 6 hệ thống NHTM: BIDV Bắc Giang; VIETINBANK Bắc Giang; AGRIBANK chi nhánh tỉnh Bắc Giang; AGRIBANK chi nhánh Bắc Giang II; VIETCOMBANK chi nhánh Bắc Giang; Ngân hàng MB chi nhánh Bắc Giang.

Ông Lê Văn Tuấn có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang để thu và phối hợp thu tiền phạt.
3. Gửi cho Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang để theo dõi việc nộp tiền xử phạt.
4. Gửi cho UBND thành phố Bắc Giang để tổ chức thực hiện.

5. UBND thành phố Bắc Giang có trách nhiệm bàn giao Quyết định cho ông Lê Văn Tuấn trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an thành phố Bắc Giang (Lưu HS);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, TH, NC;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích